

Số: /BC - SCT

Hà Nam, ngày tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện cải cách hành chính quý I năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 2502/KH-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về triển khai công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Nam, Sở Công Thương báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC).

1. Công tác chỉ đạo điều hành.

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình CCHC giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của tỉnh số 2502/KH-UBND ngày 22/12/2023, Sở Công Thương đã ban hành Kế hoạch số 1995/KH-SCT ngày 29/12/2023 thực hiện cải cách hành chính năm 2024. Kế hoạch xây dựng đảm bảo các mục tiêu: Tạo môi trường pháp lý thuận lợi, minh bạch, giảm tối đa thời gian, chi phí của các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), xây dựng cách làm việc mới, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và ưu việt hơn; nâng cao trách nhiệm, kỹ năng giải quyết các TTHC của cán bộ công chức; tạo cơ chế thống nhất trong phối hợp giữa các phòng, bộ phận và giữa các cán bộ công chức trong cơ quan, bảo đảm giải quyết công việc hiệu quả và chất lượng cao, các nhiệm vụ CCHC theo kế hoạch được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

Chỉ đạo phòng chuyên môn thường xuyên cập nhật các văn bản mới về công tác cải cách hành chính của Trung ương, của tỉnh và của Sở để tuyên truyền trên mạng nội bộ và Website của Sở. Tuyên truyền, phổ biến nội dung kế hoạch CCHC của Sở tới cán bộ, công chức, viên chức thuộc phòng, ban, đơn vị thông qua các hội nghị giao ban hàng tuần, tháng. Trong quá trình triển khai thực hiện, Lãnh đạo Sở thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, kịp thời giải quyết những vướng mắc, phát sinh. Đến thời điểm hiện tại, kế hoạch cải cách hành chính của Sở và của các phòng ban đơn vị trực thuộc thực hiện theo đúng thời gian kế hoạch đề ra.

2. Tiến độ thực hiện kế hoạch: Các nhiệm vụ, mục tiêu năm 2024 triển khai thực hiện và hoàn thành theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

3. Công tác kiểm tra CCHC: Công tác kiểm tra, tự kiểm tra CCHC của Sở được thực hiện thường xuyên, nghiên túc, đúng quy định, Sở đã ban hành Kế hoạch số 18/KH-SCT ngày 23/02/2024 về việc kiểm tra cải cách hành chính năm 2024, nhằm theo dõi triển khai nhiệm vụ CCHC, kịp thời phát hiện những vướng mắc, hạn chế, khó khăn góp phần nâng cao chất lượng của công tác CCHC

4. Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC:

Ban hành Kế hoạch số 13/KH-SCT ngày 06/02/2024 của Sở Công Thương Hà Nam về tuyên truyền Cải cách hành chính năm 2023, xây dựng Kế hoạch số 1429/KH-SCT ngày 28/9/2023 v/v tổ chức phong trào thi đua “Đẩy mạnh cải cách hành chính ngành Công Thương giai đoạn 2023 - 2025”; đăng tải 09 tin bài tuyên truyền triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC lên trang thông tin điện tử của Sở. Các hình thức tuyên truyền cũng được thực hiện linh động, lồng ghép việc tuyên truyền CCHC với tuyên truyền các văn bản pháp luật của Trung ương và địa phương liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ của Ngành Công Thương tại địa phương.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.

1. Cải cách thể chế

Căn cứ Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh Hà Nam theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hà Nam, Sở Công Thương đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-SCT ngày 20/02/2024, thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực Công Thương năm 2024; Kế hoạch số 12/KH-SCT ngày 06/02/2024 về tự kiểm tra, kiểm tra và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024. Đến thời điểm hiện tại, các đơn vị đang triển khai theo đúng nội dung kế hoạch đã đề ra.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tổ chức, triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ Nghị định 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả công tác thi hành pháp luật.

- Xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; chấn chỉnh kịp thời những tồn tại, hạn chế trong quá trình thi hành pháp luật.

Trong Quý I năm 2024 Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh, HĐND tỉnh ban hành các văn bản:

- Quyết định 05/2024/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 của UBND tỉnh Hà Nam Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Nam Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Hà Nam;

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 về Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

- Đang tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và Hội đồng xét công nhận danh hiệu nghệ nhân, thợ giỏi trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tỉnh Hà Nam năm 2023.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Thực hiện Kế hoạch số 2562/KH-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh về việc rà soát, đánh giá TTHC năm 2024, Sở đã ban hành Kế hoạch số 04/KH-SCT ngày 18/01/2024 rà soát, đánh giá TTHC năm 2024. Theo đó Quý I Sở đã tiến hành 01 đợt rà soát TTHC:

Căn cứ Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [40/2018/NĐ-CP](#) ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, Sở đã tham mưu UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung 01 TTHC lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tại Quyết 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2024.

Về quy trình tiếp nhận, phân loại, xử lý vướng mắc, phản ánh kiến nghị của các tổ chức, cá nhân: Các phản ánh, kiến nghị trực tiếp hoặc gián tiếp của các tổ chức, cá nhân liên quan đến tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được tiếp nhận và trực tiếp trình lãnh đạo Sở phân công giải quyết thỏa đáng và kịp thời. Từ đầu năm đến nay Sở nhận 01 phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân liên quan đến thủ tục hành chính và hành vi hành chính.

Về thực hiện cơ chế một cửa: Sở đã triển khai và thực hiện tốt mô hình một cửa điện tử. Từ 16/12/2023 đến 07/3/2024, Sở đã tiếp nhận 7.292 hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Đã thụ lý, giải quyết và trả kết quả 7.290 hồ sơ, 02 hồ sơ đang thụ lý, chưa đến hạn trả kết quả. Các thủ tục này đều được giải quyết xong trước hạn và đúng hạn, đúng nguyên tắc về thời gian và quy trình tiếp nhận, xử lý, không có hồ sơ trả chậm kết quả.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.

Công tác quản lý cán bộ được thực hiện nghiêm và đúng các quy định về phân công phân cấp trong quản lý, điều hành.

Việc sử dụng, sắp xếp, bố trí và quản lý công chức và cơ cấu ngạch viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Sở được thực hiện đảm bảo theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ của từng công chức, viên chức. Lãnh đạo Sở đã chỉ đạo, thực hiện xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của Ngành bảo đảm tiêu chuẩn chung về công tác cán bộ; việc bố trí cán bộ lãnh đạo các phòng chuyên môn, các đơn vị thuộc sở đảm bảo đúng số lượng theo quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thực hiện Thông báo số 25/TB-SNV ngày 12/01/2024 của Sở Nội vụ về việc biên chế tạm giao cho Sở Công Thương năm 2024 với tổng số biên chế là 55 người (40 biên chế công chức, 15 biên chế người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập), căn cứ vào tình hình, nhu cầu thực tế của phòng chuyên môn, đơn vị Sở đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-SCT ngày 15/01/2024 về việc giao chỉ tiêu biên chế năm 2024. Ngoài ra, căn cứ vào điều kiện nhu cầu, sở tiếp tục giao cho văn phòng sử dụng 03 vị trí việc làm hỗ trợ theo hợp đồng theo Nghị định 111 và chỉ đạo Trung tâm tư vấn xác định, phê duyệt 11 vị trí

việc làm theo nhu cầu nhiệm vụ đảm nhận.

4. Cải cách chế độ công vụ.

Thường xuyên rà soát, đánh giá đội ngũ công chức hành chính để cơ cấu lại công chức, bố trí lại theo từng vị trí, phù hợp với trình độ chuyên môn, sở trường của cán bộ công chức, viên chức. Xây dựng và đưa vào thực hiện phương pháp khoa học đánh giá kết quả công tác của cán bộ công chức. Ban hành các Kế hoạch số 09/KH-SCT ngày 06/3/2024 Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2024; Kế hoạch số 1580/KH-SCT ngày 20/12/2023 Chuyển đổi vị trí công tác đối với CBCC năm 2024.

- Lập danh sách cử công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng phải xuất phát từ quy hoạch, gắn với sử dụng, đảm bảo nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn nhằm phát huy sở trường từng cá nhân.

- Khuyến khích công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tự nghiên cứu, tự học tập các lớp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Cải cách tài chính công.

Ngày từ đầu năm Sở đã tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 của cơ quan; Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Quy chế quản lý tài sản công; Quy chế quản lý xe ô tô; tài sản công của cơ quan được sử dụng đúng mục đích, định mức, không lãng phí và không làm thất thoát tài sản công. Kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được chi vào mức tăng thu nhập bình quân cho cán bộ công chức trong tháng.

Sở đã chỉ đạo, ngay sau đại Hội công chức, viên chức 02 đơn vị (Trung tâm Khuyến công & Xúc tiến thương mại; Trung tâm tư vấn phát triển & Tiết kiệm năng lượng) ban hành quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo đúng quy định và trên cơ sở thống nhất ý kiến Hội nghị thông qua.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số.

Ban hành Kế hoạch số 1961/KH-SCT ngày 26/12/2023 kế hoạch chuyển đổi số năm 2024. Bên cạnh đó tiếp tục triển khai, quán triệt đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành; chủ động kết nối và liên thông các hệ thống thông tin để các giao dịch của các cơ quan được thực hiện trên môi trường điện tử. 100% Cán bộ, công chức, viên chức của Sở sử dụng thành thạo máy tính, thực hiện tốt công tác xử lý văn bản trên mạng dùng chung của cơ quan.

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước và hệ thống thư điện tử công vụ.

Tiếp tục việc duy trì, áp dụng và cải tiến có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, Sở đã ban hành Kế hoạch số 05/KH-SCT ngày 18/01/2024, duy trì, áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt

động tại Sở Công Thương năm 2024; Kế hoạch số 17/KH-SCT ngày 23/02/2024 Kiểm tra đánh giá nội bộ Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động tại Sở Công Thương năm 2024

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá những mặt đạt được.

Nhìn chung trong quý I năm 2024, Sở đã duy trì thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định của nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp đến liên hệ công tác; không xảy ra tình trạng cán bộ công chức sách nhiễu gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân và ảnh hưởng tới hoạt động của cơ quan. Nổi bật một số nội dung:

- Việc tổ chức rà soát, đánh giá tác động của văn bản QPPL liên quan đến TTHC được triển khai một cách kịp thời; TTHC được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ được duy trì niêm yết, đăng tải công khai theo đúng quy định.

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, theo dõi thi hành pháp luật và TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được thực hiện nghiêm túc.

- Công tác tài chính được công khai minh bạch

- Việc sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ công chức, viên chức trong toàn cơ quan ngày một quy chuẩn, đồng đều đáp ứng nhu cầu phục vụ cho công việc ngày càng hiệu quả.

2. Tồn tại, hạn chế.

- Tỷ lệ các dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ chưa nhiều, nhiều dịch vụ công trực tuyến không phát sinh hồ sơ. Số lượng hồ sơ do người dân, doanh nghiệp tự thực hiện theo hình thức trực tuyến trong thực tế còn thấp, phần lớn do cán bộ tại bộ phận một cửa hỗ trợ người dân thực hiện;

- Việc cập nhật vào trang thông tin điện tử của Sở thường xuyên bị lỗi nên ảnh hưởng đến kết quả cập nhật đăng tải tin bài tuyên truyền triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC trên các trang thông tin điện tử.

3. Nguyên nhân tồn tại và đề xuất, kiến nghị.

- Bộ TTHC của Sở Công Thương hiện nay có 120 TTHC, được đăng tải đầy đủ trên phần mềm một cửa điện tử, tích hợp lên dịch vụ công trực tuyến, tính đến thời điểm báo cáo số TTHC được thực hiện toàn trình là 23 TTHC (đạt 19,2%); thực hiện dịch vụ công một phần có 97 TTHC (đạt 80,8%).

- Công tác số hóa hồ sơ TTHC tổ chức/công dân còn gặp nhiều khó khăn, không sử dụng được kho dữ liệu chung, do chưa có hướng dẫn cụ thể của cơ quan chuyên môn, cũng như chưa được trang bị đầy đủ máy móc cũng như cán bộ phục vụ công tác số hóa.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG QUÝ II NĂM 2024

1. Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, Bộ Công Thương và tình hình thực tế của địa phương để kịp thời tham mưu, soạn thảo trình Ủy ban nhân

dân tình quyết định ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành.

2. Tập trung đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản QPPL: Tuân thủ đúng quy trình, nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc nghiên cứu soạn thảo văn bản dự thảo; thực hiện tốt và đầy đủ quy trình lấy ý kiến của các cơ quan, người dân và doanh nghiệp có liên quan trong việc tham gia xây dựng văn bản QPPL; chấp hành và tuân thủ đúng quy trình trình cơ quan chuyên môn thẩm định văn bản trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xử lý các công việc: Văn bản đi đến của các đơn vị trong Sở; văn bản do các phòng, ban và công chức, viên chức soạn thảo trình Lãnh đạo Sở xử lý; truy cập các thông tin và các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước, của các bộ, ngành và của tỉnh có liên quan trong quá trình tiếp nhận và xử lý các thủ tục hành chính.

4. Thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong việc giải quyết các TTHC tại Trung tâm hành chính công tỉnh; các vấn đề về hỏi đáp của các cơ quan, tổ chức và người dân có liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở. Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu điện công ích.

5. Tiếp tục rà soát các TTHC nhằm cắt giảm hơn nữa những điều kiện, yêu cầu không cần thiết, giảm thời gian thực hiện các TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, chú trọng

6. Tiếp tục áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào các thủ tục hành chính.

7. Tổ chức các cuộc điều tra xã hội học của đơn vị nhằm khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với TTHC và thái độ giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức với tổ chức, công dân trong thi hành công vụ.

Trên đây là kết quả thực hiện cải cách hành chính quý I, phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2024, Sở Công Thương trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ; (tổng hợp)
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Lê Nguyễn Ngọc

Phụ lục I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, năm 2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC	Kế hoạch	01	
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	39	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	15	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	3	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.2.1.	Số phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.2.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.2.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	02	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	02	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			(nếu có)
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, năm 2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC		120	
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.2.2.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.3.	Kết quả giải quyết TTHC	TTHC	7.290 /7.292	02 hồ sơ đang giải quyết
3.3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	7.292 TTHC đã giải quyết
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số phòng, ban, đơn vị thuộc, trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	09	
4.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp công lập	Cơ quan, đơn vị	02	
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc sở, ban, ngành	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, năm 2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Tỷ lệ DVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	0	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	40	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	38	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, đơn vị	Người	03	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10%	
4.3.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	15	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	11	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số phòng, ban, đơn vị/UBND cấp xã đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
5.1.3.	Số phòng, ban, đơn vị/ đơn vị sự nghiệp trực thuộc/UBND cấp xã có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, năm 2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0	
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL trực thuộc bị kỷ luật.	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	01	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời	Cơ quan, đơn vị	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, năm 2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>điểm báo cáo)</i>	vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	01	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Dịch vụ công trực tuyến		120	
7.1.1.	Tổng số TTHC cung cấp toàn trình	TTHC	23	
7.1.2.	Tổng số TTHC cung cấp một phần	TTHC	97	

Biểu mẫu 3
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 9 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.4	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	120/120